

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 391/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Không Sơn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 868/2020/HNST, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Võ Thị Tuyết H1 – sinh năm 1978

- Bị đơn : Ông Huỳnh Công T1 – sinh năm 1971

Cùng địa chỉ : 1/12 L1, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa, bà H1 – có đơn xin vắng mặt, ông T1 – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2020, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 trình bày: bà và ông Huỳnh Công T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y(nay là phường T2, quận T3), thành phố Hồ Chí Minh. Về mâu thuẫn gia đình : bà cho rằng ông T1 không chăm lo phụ giúp gia đình, bỏ mặc bà phải bươn chải để lo lắng mọi việc trong gia đình như tiền sinh hoạt trong nhà, chăm sóc con chung ..v..v...Bên cạnh đó, ông T1 lại hay uống rượu và cờ bạc nên từ đó dẫn đến việc không thể cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Nay nhận thấy không còn tình cảm, con chung đã lớn và mệt mỏi bởi trách nhiệm trong gia đình nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Công T1. Về con

chung : bà xác nhận có 02 người con chung tên Huỳnh Công H2 – sinh năm 2000 và Huỳnh Công K1 – sinh ngày 02/10/2005. Con chung Công H2 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Công K1 theo bà từ nhỏ nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ, không yêu cầu ông Huỳnh Công T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về T1 sản chung, nợ chung : bà xác nhận không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Huỳnh Công T1 vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, cam kết vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Huỳnh Công T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 56/KH/99 ngày 02/7/1999 của Ủy ban nhân dân phường X, quận Y (nay là phường T2, quận T3), thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự thì quan hệ giữa bà Võ Thị Tuyết H1 và ông Huỳnh Công T1 là quan hệ hôn nhân do Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Tại phiếu yêu cầu xác minh, công an phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: "... đương sự Huỳnh Công T1 hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ 1/12 L1, phường T2, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh..." nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:* nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Huỳnh Công T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “...Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được...” .

Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn ông Huỳnh Công T1 vẫn không đến và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Việc này thể hiện bị đơn ông Huỳnh Công T1 đã không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các con chung và căn cứ vào biên bản xác minh mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Võ Thị Tuyết H1 và ông Huỳnh Công T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là có cơ sở. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1.

- Về con chung: Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 trình bày có 02 người con chung tên Huỳnh Công H2 – sinh năm 2000 và Huỳnh Công K1 – sinh ngày 02/10/2005. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Công H2 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không xem xét. Riêng con chung Công K1 có sự lựa chọn theo mẹ được thể hiện tại bản tự khai ngày 18/11/2020 và bà Võ Thị Tuyết H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con chung Công K1 cho nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 không yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Công T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về T1 sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 .

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Tuyết H1 phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Huỳnh Công T1 không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết H1 được ly hôn với ông Huỳnh Công T1

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56/KH/99 ngày 02/7/1999 của Ủy ban nhân dân phường X, quận Y (nay là phường T2, quận T3), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Công K1 – sinh ngày 02/10/2005 cho bà Võ Thị Tuyết H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Công T1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Huỳnh Công H2 – sinh năm 2000 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường khỏe mạnh nên không xem xét.

Ông Huỳnh Công T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Võ Thị Tuyết H1 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông Huỳnh Công T1 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về T1 sản chung và nợ chung: nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H1 xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Tuyết H1 phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0071110 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Tuyết H1 đã nộp đủ án phí. Ông Huỳnh Công T1 không phải nộp án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản

án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền